

Phụ lục 3
CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO
(Kèm theo Công văn số /BQP-VP ngày /7/2026 của Bộ Quốc phòng)

TRA CỨU DỮ LIỆU DÂN CƯ

Hình thức tra cứu

☒ Nhập thông tin

Vui lòng nhập đủ các thông tin bên dưới để tra cứu

Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân *

Họ và tên *

Ngày sinh *



Nhập mã xác thực *

54ye8

Tra cứu

Ảnh 1.2

CHUẨN BỊ HỒ SƠ		THÀNH PHẦN HỒ SƠ VÀ KẾT QUẢ	
I. Tài liệu nộp			
1.	Đổi với hoạt động bay trong khu vực cấm bay ngoài các văn bản quy định tại điểm a, b và điểm c khoản 1 Điều này phải có các văn bản chứng minh sự phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 19 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ		
	A70.11-VBNL_2026-CV-0260-2026_diaongdau.pdf - 02/07/2026 08:59:03		
2.	Tài liệu chứng minh tính hợp pháp của hoạt động bay: Văn bản cấp phép hoặc đồng ý, phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hoạt động, sự kiện bất buộc phải có cấp phép hoặc chấp thuận của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật. Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài đến Việt Nam sử dụng tàu bay không người lái và phương tiện bay khác phải có bảo lãnh của cơ quan hoặc tổ chức, cá nhân tại Việt Nam		
	A70.11-VBNL_2026-CV-0260-2026_diaongdau.pdf - 02/07/2026 08:59:03		
3.	Đơn đề nghị cấp phép bay theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 288/2025/NĐ-CP của Chính phủ		
	A70.11-VBNL_2026-CV-0260-2026_diaongdau.pdf - 02/07/2026 08:59:03		
4.	Sơ đồ khu vực bay đối với hoạt động bay theo tuyến hoặc bay trong khu vực giới hạn bởi nhiều điểm hình đa giác		
	A70.11-VBNL_2026-CV-0260-2026_diaongdau.pdf - 02/07/2026 08:59:03		
II. Kết quả xử lý			
1.	Văn bản thông báo		
	9342 signed.pdf - 02/07/2026 08:59:03		
III. Văn bản hành chính			
1.	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả BPTN_TKQ		
TRAO ĐỔI		NHẬT KÝ SỬA ĐỔI	

Ảnh 1.3

Hướng dẫn khai báo thủ tục hành chính

Hướng dẫn sử dụng

Truy cập trang chủ

Đăng ký

Đăng nhập

Thông tin thủ tục hành chính

Nộp hồ sơ trực tuyến

Theo dõi hồ sơ trực tuyến

Nhận kết quả

Tra cứu hồ sơ trực tuyến

Thống kê

Khảo sát

Tài liệu tải về

TRUY CẬP TRANG CHỦ

Công dân/Doanh nghiệp/Tổ chức truy cập Cổng dịch vụ công trực tuyến - Bộ Quốc Phòng tại địa chỉ <http://dichvucong.mod.gov.vn>

ĐĂNG KÝ

Tại trang chủ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến. Chọn mục "Đăng ký"

BỘ QUỐC PHÒNG

Cổng Dịch Vụ Công Trực Tuyến

TRANG CHỦ

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TRAO ĐỔI VỚI CQ

THUẬT KẾ

QUẢN LÝ CẢM ỨNG

HỒ SƠ

THUẬT BẢO DƯỠNG

LIÊN HỆ

TRA CỨU HỒ SƠ

Nhập mã số hồ sơ mà bạn nhận được từ hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc mã số hồ sơ tại gói kèm theo tiếp nhận từ cơ quan nhà nước để tra cứu mã số hồ sơ mà bạn nhận được từ hệ thống dịch vụ công trực tuyến

NỘP HỒ SƠ TRỰC TUYẾN

Nhập mã số hồ sơ mà bạn nhận được từ hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc mã số hồ sơ tại gói kèm theo tiếp nhận từ cơ quan nhà nước để tra cứu mã số hồ sơ mà bạn nhận được từ hệ thống dịch vụ công trực tuyến

CÁC LĨNH VỰC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

CHÍNH THUYỀN DUY

GIẤY MÃ DÂN DUY

QUẢN LÝ VIỆT LIỆU HỒ CÔNG NHÂN

QUẢN LÝ CÔNG NHÂN THÔNG TIN

CHÍNH SÁCH

BẢO DƯỠNG

TÌNH HÌNH XỬ LÝ HỒ SƠ

TỔNG SỐ HỒ SƠ VÀ CÔNG VIỆC

59.3 %

TỔNG SỐ QUYẾT

4259

SỐ QUẢ QUYẾT

609

HOÀN TRẢ CÔNG VIỆC

1225

SỐ QUẢ QUYẾT

3034

4 BƯỚC THỰC HIỆN

1. Đăng ký tài khoản công dân doanh nghiệp

2. Đăng nhập và khai báo hồ sơ

3. Thanh toán phí lệ phí

4. Nhận kết quả hồ sơ trả về

XEM HƯỚNG DẪN

© Bản quyền thuộc về Bộ Quốc Phòng

Địa chỉ: Số 10, Ngõ 10/1 Đường, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

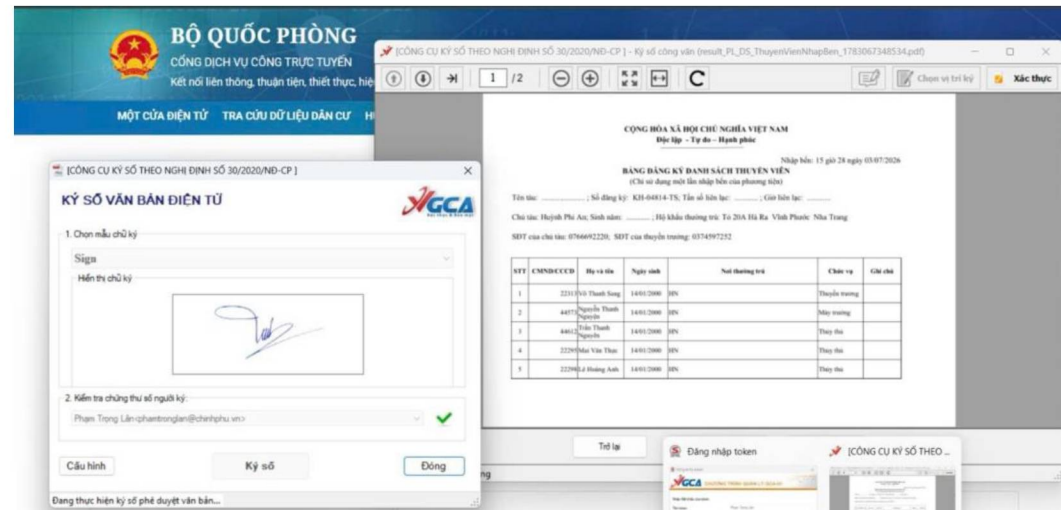
Điện thoại: 0915.55.9215

Thư điện tử: info@mod.gov.vn

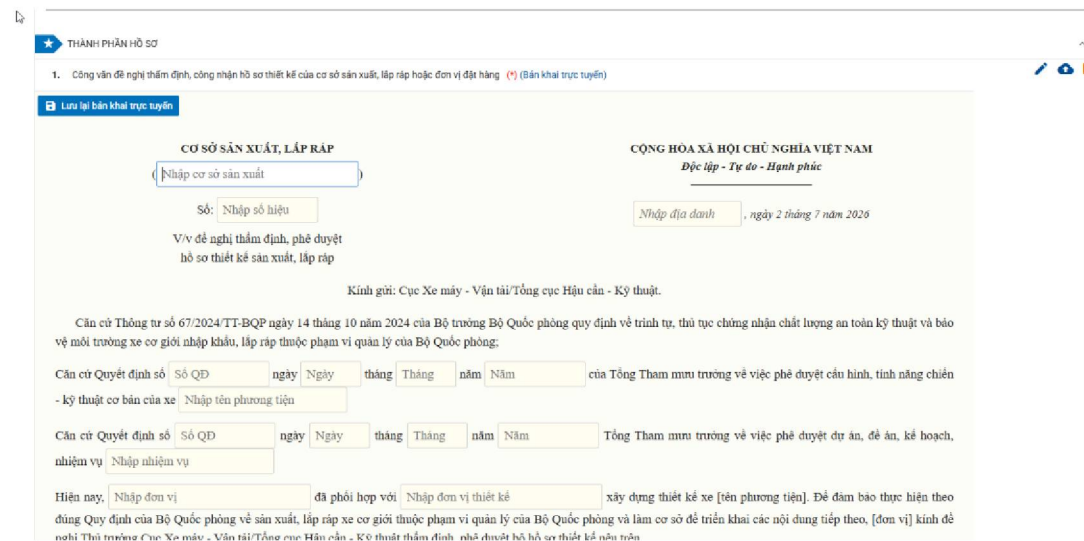
Hệ thống sẽ chuyển hướng người dùng sang trang Đăng ký trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

Cổng Dịch Vụ Công Quốc Gia

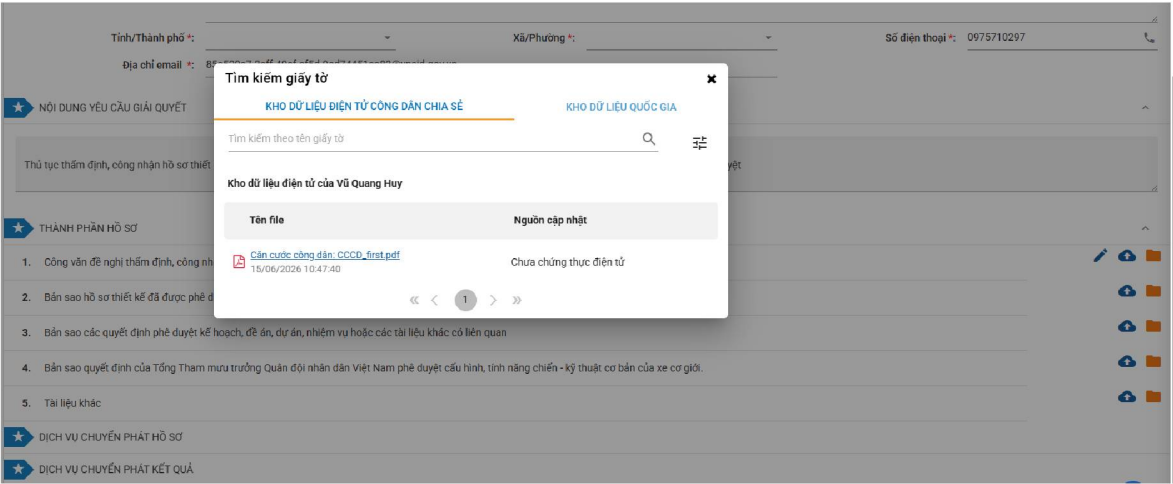
Ảnh 1.5



Ảnh 1.9



Ảnh 2.3



Ảnh 2.5

Chức vụ của cán bộ			
	Nhân sự	Chức vụ	Trạng thái
1			

Ảnh 3.1

THÔNG BÁO

V/v phối hợp ngắt chuyển chính thức Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia

Kính gửi:

Căn cứ công văn số 2570/BCA-TTDLQG ngày 28/5/2026 của Bộ Công an về việc phối hợp triển khai vận hành Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia. Đến nay, Trung tâm dữ liệu quốc gia đã hoàn thiện việc xây dựng, triển khai phần mềm Cổng Dịch vụ công quốc gia, đáp ứng hạ tầng kỹ thuật, hiệu năng, an ninh an toàn của hệ thống, sẵn sàng đưa vào vận hành chính thức, Trung tâm dữ liệu quốc gia thông báo và đề nghị các đơn vị phối hợp thực hiện một số nội dung sau:

1. Các điều kiện đảm bảo

(1) Rà soát, đánh giá tổng thể: Ngày 22/5/2026, Trung tâm dữ liệu quốc gia đã tổ chức họp với các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp đồng hành để tiến hành rà soát, đánh giá tổng thể các điều kiện đảm bảo phục vụ ngắt chuyển chính thức Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia. Trên cơ sở ý kiến của các đơn vị về hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh đã hoàn thành tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia và sẵn sàng thực hiện cắt chuyển, đưa vào vận hành chính thức.

(2) Thời gian và thông báo ngắt chuyển chính thức: Trung tâm dữ liệu quốc gia sẽ tổ chức chuyển đổi, vận hành chính thức Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia từ **22 giờ 00 phút ngày 29/5/2026**.

(3) Kết quả thực hiện

- Đối với việc rà soát thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Đến nay, Trung tâm dữ liệu quốc gia đã phối hợp với Cục Kiểm soát thủ tục hành chính – Bộ Tư pháp và các đơn vị bộ, ngành liên quan tiến hành công bố, công khai 5.376 TTHC và cung cấp 4.144 DVC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC tại Trung tâm dữ liệu quốc gia và tiến hành ký biên bản xác nhận.

- Đối với việc rà soát danh mục dung chung

Giai đoạn 1 (trước ngày 15/4/2026): Đến nay, Trung tâm Dữ liệu quốc gia đã tiếp nhận 49/175 danh mục Bộ ngành¹ hoàn thành gửi dữ liệu danh mục dùng chung về Trung tâm dữ liệu quốc gia. Còn lại 05 đơn vị² chưa hoàn tất việc gửi đầy đủ danh mục về Trung tâm dữ liệu quốc gia.

¹ Bộ Tài chính (34 danh mục), Bộ Xây dựng (3 danh mục), Bộ Y tế (3 danh mục), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2 danh mục), Văn phòng Chính phủ (7 danh mục).

² Bộ Giáo dục và Đào tạo (thiếu 44 danh mục), Bộ Công an (thiếu 17 danh mục), Bộ Tư pháp (thiếu 15 danh mục), Bộ Nội vụ (thiếu 07 danh mục) và Bộ Nông nghiệp và Môi trường (thiếu 04 danh mục).

Giai đoạn 2 (sau ngày 15/4/2026): Đối với công tác rà soát và xác nhận danh mục dùng chung, hiện đã có Bộ Tài chính hoàn thành việc gửi văn bản xác nhận chính thức. Còn lại 12 đơn vị³ chưa gửi văn bản xác nhận chính thức.

2. Tổ chức thực hiện

Để đảm bảo công tác ngắt chuyển Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia đáp ứng yêu cầu đề ra và đưa vào vận hành chính thức ổn định, thông suốt với người dân và doanh nghiệp. Trung tâm dữ liệu quốc gia đề nghị các đơn vị phối hợp thực hiện các nội dung sau:

(1) Đối với các đơn vị bộ, ngành, địa phương

- Chuẩn bị các điều kiện đảm bảo phục vụ quá trình ngắt chuyển và vận hành chính thức Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Cử đầu mối phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia, Tổng công ty Viễn thông Mobifone sẵn sàng triển khai chuyển đổi hệ thống ngay khi có thông báo.

- Thực hiện chế độ thông tin báo cáo hằng ngày: Trung tâm dữ liệu quốc gia đề nghị các bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp đồng hành hàng ngày có báo cáo đánh giá và tập hợp các vướng mắc và kết quả xử lý gửi về Trung tâm dữ liệu quốc gia để giải quyết **trước 17h00 hàng ngày** (*Gửi biểu mẫu báo cáo kèm theo*).

(2) Đối với các doanh nghiệp

- Đối với Tổng công ty Viễn thông Mobifone: bố trí nguồn lực thường trực 24/7 trong giai đoạn đầu vận hành; chịu trách nhiệm hướng dẫn cán bộ các bộ, ngành, địa phương sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, đặc biệt là hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính phục vụ cán bộ tiếp nhận trực tiếp.

- Đối với các doanh nghiệp triển khai hệ thống cho bộ, ngành, địa phương: nắm tình hình, giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống và phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia, Tổng Công ty Viễn thông Mobifone để kịp thời xử lý các vướng mắc.

- Chuẩn bị tối đa nguồn lực và các điều kiện đảm bảo cho việc ngắt chuyển và đưa vào vận hành chính thức Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

(3) Đối với việc đồng bộ danh mục dùng chung của bộ, ngành

Đối với việc đồng bộ danh mục dùng chung của bộ, ngành về Trung tâm dữ liệu quốc gia đề nghị các đơn vị phối hợp thực hiện theo lộ trình, cụ thể:

- Giai đoạn 1: Đề nghị các đơn vị của Bộ, ngành khẩn trương hoàn tất việc rà soát và gửi bổ sung các danh mục còn thiếu về Trung tâm dữ liệu quốc gia; đồng thời, thực hiện trích xuất dữ liệu danh mục dưới dạng offline theo tài liệu hướng dẫn **hoàn thành trước ngày 29/5/2026** và khẩn trương kết nối, đồng bộ dữ liệu qua API để bảo đảm tiến độ triển khai.

(*gửi kèm theo danh sách danh mục dùng chung và tài liệu hướng dẫn*)

- Giai đoạn 2: Đề nghị các đơn vị chưa gửi đơn vị xác nhận khẩn trương rà soát, xác nhận các danh mục thuộc phạm vi quản lý, triển khai đồng bộ các danh

³ Danh sách 12 Bộ ngành: Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Xây dựng; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Nội vụ; Bộ Giáo dục và đào tạo; Bộ Công thương; Bộ Y tế; Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Bộ Tư pháp; Toà án nhân dân tối cao; Bộ Công an.

mục dùng chung về Trung tâm Dữ liệu quốc gia và gửi văn bản xác nhận chính thức về Trung tâm dữ liệu quốc gia, **hoàn thành trước ngày 01/6/2026.**

(4) Đối với 19 TTHC thuộc các lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm, quốc tịch, nuôi con nuôi và chứng thực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của các Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng và Bộ Ngoại giao; đề nghị các đơn vị phối hợp với Trung tâm Dữ liệu quốc gia áp dụng cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với 19 TTHC tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Mọi thông tin chi tiết đề nghị liên hệ về Trung tâm dữ liệu quốc gia (Qua Đ/c Vũ Tiến Dũng - Phó trưởng Phòng 4/C12 - SĐT: 091.444.1654; Đ/c Phạm Đình Du - Cán bộ Phòng 4 - SĐT: 0366.278.967) hoặc Tổng Công ty Viễn thông Mobifone (Qua Ông Đào Ngọc Thành - Phó Giám đốc Công ty Mobifone Solutions - SĐT: 093.988.0885).

Trung tâm dữ liệu quốc gia đề nghị các đơn vị khẩn trương phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TK1, TK5, TK7 (để báo cáo Lãnh đạo BCA);
- V01, V03, V06, C06, C07, C08, A05, A08, H04, H05, D01, D02;
- Cục Chuyển đổi số-Cơ yếu, Văn phòng TW Đảng;
- Cục Chuyển đổi số Quốc gia; Trung tâm công nghệ thông tin; Cục Thông tin, Thống kê; Văn phòng Bộ - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Bộ, Cục Công nghệ thông tin - Bộ Tư pháp;
- Kho bạc nhà nước; Cục Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số; Văn phòng Bộ - Bộ Tài chính;
- Trung tâm chuyển đổi số Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Văn phòng Bộ-Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch;
- Văn phòng Bộ của Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Trung tâm Công nghệ thông tin; Văn phòng Bộ- Bộ Xây dựng;
- Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số; Văn phòng Bộ - Bộ Công thương;
- Cục Chuyển đổi số; Văn phòng Bộ - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm Chuyển đổi số; Văn phòng Bộ - Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Cục Công nghệ thông tin của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Toà án nhân dân tối cao;
- Trung tâm thông tin Y tế quốc gia; Văn phòng Bộ - Bộ Y tế;
- Cục Chuyển đổi số - Văn phòng Chính phủ;
- Cục Cơ yếu - Công nghệ thông tin; Văn phòng Bộ - Bộ Ngoại giao;
- Doanh nghiệp: DTT, FPT, VIETTEL, VNPT, VNPOST, VCB, BIDV, VNPAY (để p/h t/h);
- Văn phòng Ủy ban nhân dân, Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm phục vụ hành chính công của 34 tỉnh, thành phố;
- Công an 34 tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, TTDLQG(P4).

GIÁM ĐỐC



Thiếu tướng Nguyễn Ngọc Cương



(Quét QR để nhận tài liệu)

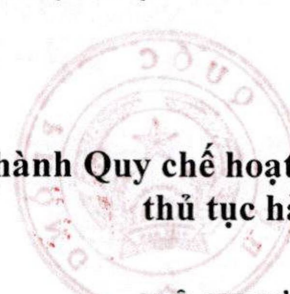
BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *5689*/QĐ-BQP

Hà Nội, ngày *22* tháng 9 năm 2022



QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết
thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng**

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng tại Tờ trình số: 1673/TTr-TTr ngày 12 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

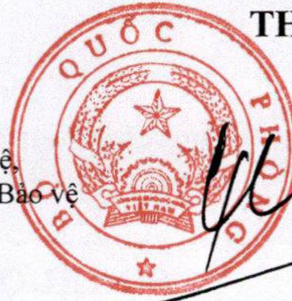
Điều 1. Ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng, Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng, chỉ huy các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Các đồng chí Lãnh đạo BQP⁰⁸;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP⁷²;
- Các Cục: Tác chiến, Quân lực, Dân quân tự vệ, Nhà trường, Cán bộ, Tuyên huấn, Chính sách, Bảo vệ an ninh Quân đội;
- VPBQP: CVP, PCVP (CCHC);
Cổng TTĐT BQP (để t/hiện và đăng tải);
- Lưu: VT, TTr, PC, CCHC (02). Tr97.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Thượng tướng Lê Huy Vịnh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng
(Kèm theo Quyết định số **3689/QĐ-BQP** ngày **22 tháng 9 năm 2022**
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về quản lý, vận hành và khai thác sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.
2. Những nội dung không quy định tại Quy chế này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (Nghị định số 45/2020/NĐ-CP); Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (Nghị định số 61/2018/NĐ-CP); Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 61/2018/NĐ-CP (Nghị định số 107/2021/NĐ-CP); Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Công Dịch vụ công quốc gia (Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg) và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, đơn vị và cán bộ, nhân viên thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.
2. Cơ quan nhà nước có liên quan đến quá trình giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.
3. Tổ chức cung ứng dịch vụ bưu chính công ích; tổ chức, cá nhân được thuê hoặc ủy quyền thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.
4. Ngân hàng và các tổ chức trung gian thanh toán tham gia thực hiện quy trình thu, nộp phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác.
5. Tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, vận hành và khai thác sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng

1. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng được xây dựng thống nhất từ “Công Dịch vụ công Bộ Quốc phòng” và “Hệ thống thông tin một cửa điện tử Bộ Quốc phòng”.

2. Việc quản lý, vận hành và khai thác sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính, giao dịch điện tử, bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Các thông tin cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng phải đầy đủ, chính xác, rõ ràng và được cập nhật thường xuyên, kịp thời, thuận tiện cho việc truy cập, khai thác sử dụng.

4. Lấy tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính làm trung tâm, bảo đảm ngôn ngữ, phương thức thực hiện đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện góp phần thực hiện mục tiêu cải cách thủ tục hành chính.

5. Không yêu cầu tổ chức, cá nhân khai, nộp lại những dữ liệu mà cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý hoặc được cơ quan nhà nước khác sẵn sàng chia sẻ.

6. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng được kết nối, liên thông với Cổng Thông tin điện tử Bộ Quốc phòng, Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương, bảo đảm việc vận hành 24 giờ tất cả các ngày trong tuần.

7. Việc khai thác, sử dụng lại thông tin của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng được thực hiện theo các quy định của pháp luật về bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân.

Điều 4. Tên miền, đăng ký, đăng nhập và quản lý tài khoản người dùng

1. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng có tên miền truy cập là <https://dichvucong.mod.gov.vn>.

2. Tài khoản của cán bộ, nhân viên cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý hồ sơ thủ tục hành chính do Văn phòng Bộ Quốc phòng cấp, thu hồi theo quy định và được tích hợp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

3. Tổ chức, cá nhân truy cập vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng để đăng ký tài khoản giao dịch điện tử (hoặc sử dụng tài khoản giao dịch điện tử đã đăng ký tại Cổng Dịch vụ công quốc gia) thực hiện giao dịch đối với các thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Việc đăng nhập, quản lý tài khoản của tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định tại Điều 11 và Điều 13 Quy chế kèm theo Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng

1. Thanh tra Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin một cửa điện tử Bộ Quốc phòng tại Trụ sở tiếp công dân - Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng theo quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Cổng Thông tin điện tử Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Cổng Dịch vụ công Bộ Quốc phòng theo quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính thực hiện khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng để giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định.

4. Cán bộ, nhân viên các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng tài khoản đăng nhập cá nhân để xử lý hồ sơ thủ tục hành chính.

Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng

1. Những hành vi bị cấm khi tham gia Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng thực hiện theo quy định tại Điều 12 Luật Công nghệ thông tin năm 2006 và Điều 9 Luật Giao dịch điện tử năm 2005.

2. Các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Điều 7. Mã hồ sơ, các biểu mẫu trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng

1. Mã hồ sơ, mã ngành, mã lĩnh vực thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 19, Điều 20 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

2. Các biểu mẫu trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng được thực hiện theo Phụ lục kèm theo Quy chế này.

Điều 8. Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng

1. Tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính

a) Đối với hồ sơ nộp trực tuyến, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tiếp nhận yêu cầu, kiểm tra tự động về mặt kỹ thuật.

Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ các thành phần và bảo đảm kỹ thuật thì phản hồi tự động xác nhận tổ chức, cá nhân đã gửi thành công và thông báo về thời điểm tiếp nhận chính thức hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính phải có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân biết thông qua tài khoản của tổ chức, cá nhân hoặc các kênh thông tin tổ chức, cá nhân đã đăng ký; hướng dẫn đầy đủ, cụ thể một lần để tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu;

Thời gian thông báo không quá 08 giờ làm việc, kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tiếp nhận hồ sơ;

b) Đối với hồ sơ nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật, cán bộ, nhân viên tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và thực hiện số hóa hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 21a được bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP.

Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ: Trụ sở tiếp công dân - Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng, Km 11 đường Cầu Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

2. Chuyển hồ sơ thủ tục hành chính

Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều này, cán bộ, nhân viên tại Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng thực hiện chuyển hồ sơ đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP.

3. Giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính

Việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và khoản 2 Điều 21a được bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP.

Điều 9. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

1. Cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm trả kết quả giải quyết cho tổ chức, cá nhân theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, đồng thời trả kết quả giải quyết bản điện tử cho tổ chức, cá nhân tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân; nếu tổ chức, cá nhân yêu cầu trả kết quả bằng bản giấy (theo Điều 12 của Quy chế này) thì kết quả được tổ chức cung ứng dịch vụ bưu chính công ích hoặc tổ chức, cá nhân được thuê hoặc ủy quyền thực hiện thủ tục hành chính chuyển tới địa chỉ mà tổ chức, cá nhân yêu cầu (phí dịch vụ do tổ chức, cá nhân chi trả). Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức ủy quyền, việc lưu kết quả điện tử thực hiện theo thỏa thuận ủy quyền.

2. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử có giá trị pháp lý như văn bản giấy.

3. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử phải bảo đảm:

a) Phản ánh đầy đủ các nội dung kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được quy định;

b) Có chữ ký số của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính;

c) Được đồng bộ vào Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo cấu trúc mã thống nhất:

Mã hồ sơ thủ tục hành chính-KQ(n);

Trong đó n là số thứ tự của kết quả giải quyết đối với hồ sơ thủ tục hành chính có nhiều kết quả.

Điều 10. Tra cứu tình trạng hồ sơ và đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính

1. Tổ chức, cá nhân có thể sử dụng mã hồ sơ (hoặc mã QR) để tra cứu tình trạng xử lý hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thông qua chức năng tra cứu trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

2. Đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính

a) Tổ chức, cá nhân trong quá trình giải quyết hoặc đã giải quyết xong thủ tục hành chính thực hiện truy cập vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính để thực hiện đánh giá chất lượng giải quyết;

b) Việc đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện tự động và tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Kết quả đánh giá được công bố công khai định kỳ hằng quý, hằng năm trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng, Cổng Thông tin điện tử Bộ Quốc phòng, Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 11. Chuyển đổi hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử ra văn bản giấy

Tổ chức, cá nhân và cơ quan, đơn vị có thẩm quyền in hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử ra văn bản giấy khi có nhu cầu. Việc chuyển đổi hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử ra văn bản giấy thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

Điều 12. Yêu cầu cấp bản sao điện tử có giá trị pháp lý

Yêu cầu về cấp bản sao điện tử có giá trị pháp lý được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

Điều 13. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính

1. Chức năng tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng được kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Quy trình thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính

a) Tổ chức, cá nhân gửi phản ánh, kiến nghị liên quan đến quy định hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng;

b) Văn phòng Bộ Quốc phòng tiếp nhận, phân loại, đánh giá và chuyển phản ánh, kiến nghị đến các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết;

c) Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tiến hành xử lý phản ánh, kiến nghị và chuyển kết quả giải quyết cho Văn phòng Bộ Quốc phòng trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng;

d) Kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị được công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng, Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 14. Văn phòng Bộ Quốc phòng

1. Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại khoản 2 Điều 5 và Điều 13 của Quy chế này.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trình Thủ trưởng Bộ Quốc phòng công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện trên Cổng Dịch vụ công Bộ Quốc phòng.

3. Chủ trì, phối hợp với Thanh tra Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh 86 sửa đổi, nâng cấp, phát triển Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; triển khai các giải pháp kết nối, tích hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương để phục vụ việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh 86, Thanh tra Bộ Quốc phòng và các cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính tích hợp, đồng bộ thông tin, dữ liệu liên quan yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

5. Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị chức năng thuộc Bộ Quốc phòng; hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đăng ký, đăng nhập tài khoản và nộp hồ sơ trên môi trường điện tử.

6. Theo dõi, đôn đốc tiến độ, chất lượng, thời gian giải quyết và số hóa hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

7. Định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng theo quy định.

Điều 15. Thanh tra Bộ Quốc phòng

1. Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại khoản 1 Điều 5 của Quy chế này.

2. Phối hợp với Văn phòng Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh 86 sửa đổi, nâng cấp Hệ thống thông tin một cửa điện tử Bộ Quốc phòng tại Trụ sở tiếp công dân - Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng đáp ứng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

3. Hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân đăng ký, đăng nhập tài khoản và nộp hồ sơ điện tử tại Trụ sở tiếp công dân - Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng.

Điều 16. Bộ Tư lệnh 86

1. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan bảo đảm an toàn thông tin cho Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

2. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ Quốc phòng, Thanh tra Bộ Quốc phòng và cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính xây dựng, hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng số hóa hồ sơ giấy tích hợp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

3. Phối hợp với Văn phòng Bộ Quốc phòng và các cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính tích hợp, đồng bộ thông tin, dữ liệu liên quan yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng, Cổng Dịch vụ công quốc gia.

4. Tiếp nhận, khắc phục những sự cố do nguyên nhân kỹ thuật; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong tìm nguyên nhân và giải pháp đảm bảo an toàn, thông suốt trong quá trình quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

Điều 17. Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội

1. Hỗ trợ Văn phòng Bộ Quốc phòng, Thanh tra Bộ Quốc phòng và các cơ quan, đơn vị trong toàn quân trong quá trình quản lý, vận hành và khai thác sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

2. Phối hợp Văn phòng Bộ Quốc phòng, Thanh tra Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh 86 và các cơ quan chức năng trong việc xác định, xử lý các vấn đề phát sinh, sự cố kỹ thuật của trang thiết bị và phần mềm của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

Điều 18. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính

1. Đơn đốc, kiểm tra cán bộ, nhân viên thuộc quyền tiếp nhận, xử lý hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng. Phối hợp với Văn phòng Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh 86 tích hợp, đồng bộ thông tin, dữ liệu liên quan, yêu cầu nghĩa vụ tài chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

2. Giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý, số hóa và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đúng theo quy định.

3. Trường hợp đến hạn trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính chưa hoàn thành phải chủ động gửi thông

tin đến Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng và công bố trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính trước ngày hẹn trả kết quả 01 ngày để tổ chức, cá nhân biết (việc gia hạn và hẹn ngày trả kết quả không quá một lần).

4. Thường xuyên rà soát, kiểm tra, kịp thời phát hiện và khắc phục những sự cố do nguyên nhân kỹ thuật của hệ thống hoặc lỗi của cán bộ, nhân viên thuộc quyền gây ra; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tìm nguyên nhân và giải pháp đảm bảo an toàn, thông suốt trong quá trình quản lý, vận hành hệ thống thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

5. Thông báo, cập nhật đầy đủ, kịp thời những thay đổi của các thủ tục hành chính được công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng. Bảo đảm chất lượng dịch vụ thanh toán trực tuyến và việc bảo mật thông tin trong quá trình thực hiện theo quy định pháp luật.

6. Lưu trữ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử theo quy định của pháp luật chuyên ngành và các quy định pháp luật có liên quan về lưu trữ. Việc lưu trữ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử có giá trị như lưu trữ dưới dạng văn bản giấy.

Điều 19. Cán bộ, nhân viên tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng

1. Hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

2. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ điện tử hoặc số hóa hồ sơ giấy đưa lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử Bộ Quốc phòng; gửi các thông tin phản hồi đến tổ chức, cá nhân theo địa chỉ tổ chức, cá nhân đã đăng ký.

3. Sử dụng tài khoản giao dịch điện tử đã đăng ký đăng nhập vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng để theo dõi, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

4. Báo cáo Thủ trưởng cơ quan, đơn vị khi phát hiện các hành vi sử dụng hệ thống thông tin không đúng mục đích, các dấu hiệu gây ảnh hưởng đến an toàn, an ninh thông tin để kịp thời xử lý.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân khi tiến hành thu thập thông tin của tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

6. Thường xuyên nghiên cứu, cập nhật kiến thức, kỹ năng về giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Điều 20. Tổ chức, cá nhân có yêu cầu thủ tục hành chính

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của tài khoản đăng ký và những thông tin khai báo trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

2. Quản lý và giữ bí mật thông tin tài khoản, mật khẩu; trường hợp tài khoản bị mất, đánh cắp hoặc phát hiện có người sử dụng trái phép phải thông báo kịp thời đến cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

3. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu trên hồ sơ điện tử giải quyết thủ tục hành chính; nộp phí, lệ phí, thuế và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) trong giải quyết thủ tục hành chính thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng hoặc cách thức khác theo quy định của pháp luật.

4. Phản ánh, kiến nghị với các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền về sự không cần thiết, không hợp lý và không hợp pháp của thủ tục hành chính.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Văn phòng Bộ Quốc phòng (qua Cổng Thông tin điện tử Bộ Quốc phòng) để tổng hợp báo cáo Thủ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định. Các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu, nếu có sự thay đổi thì thực hiện theo quy định tại văn bản thay đổi đó. /

Phụ lục
BIỂU MẪU THEO DÕI GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
*(Kèm theo Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết
thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng)*

STT	Tên biểu mẫu	Mẫu số	Ghi chú
01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả	01	
02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	02	
03	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	03	
04	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ	04	
05	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả	05	
06	Sổ theo dõi hồ sơ	06	

Mẫu số 01

(1)
(2)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTHC- (2)

Hà Nội, ngày tháng năm

GIẤY TIẾP NHẬN
HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

..... (2)..... đã

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Email.....

Nội dung yêu cầu giải quyết:

1. Thành phần hồ sơ gồm:

1)

2)

3)

2. Số lượng hồ sơ:.....bộ.

3. Thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định là:.....ngày làm việc.

4. Thời gian nhận hồ sơ:.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....

5. Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày...tháng ... năm...

6. Nhận kết quả tại: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Bộ Quốc phòng

Vào sổ theo dõi hồ sơ, quyển số.....số thứ tự.....

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

Ghi chú: (1). Cấp trên trực tiếp của cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính.

(2). Cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính.

Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả được chuyển đến Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng và thông báo đến địa chỉ của tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thủ tục hành chính biết.

Mẫu số 02

(1)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /HD-TNHTHS

Hà Nội, ngày tháng năm

**PHIẾU YÊU CẦU
BỔ SUNG, HOÀN THIỆN HỒ SƠ**

Hồ sơ của:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Địa chỉ:Email.....

Số điện thoại:

Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ gồm những nội dung sau:

1)

2)

3)

- Lý do:

- Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, ông (bà) liên hệ với đ/c..... số điện thoại..... để được hướng dẫn./.

NGƯỜI HƯỚNG DẪN

Ghi chú: (1). Cấp trên trực tiếp của cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính.

(2). Cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính.

Cán bộ, nhân viên tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn **một lần** cho đại diện tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Mẫu số 03

(1)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KSGQ-TNTTHC

Hà Nội, ngày tháng năm

**PHIẾU KIỂM SOÁT
QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT HỒ SƠ**

Mã số hồ sơ:.....

Cơ quan giải quyết TTHC:.....

Cơ quan phối hợp giải quyết TTHC

Ngày nhận:.....

Hẹn trả kết quả vào.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....

Tên đơn vị	Thời gian giao nhận hồ sơ	Kết quả giải quyết hồ sơ (trước hạn/đúng hạn/quá hạn)
1. Giao: (2)	giờ.....phút, ngày...../...../.....	
2. Nhận:.....(3).....	Người giao Người nhận	
1. Giao:(2).....	giờ.....phút, ngày...../...../.....	
2. Nhận:(3).....	Người giao Người nhận	

Ghi chú: (1). Cấp trên trực tiếp của cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính.
(2), (3). Cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính.

Mẫu số 04

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(1)

(2)

Số: /PTC-....

Hà Nội, ngày tháng năm

**PHIẾU TỪ CHỐI
TIẾP NHẬN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ**

.....(2).....

Tiếp nhận hồ sơ của:(3).....

Địa chỉ:

Số điện thoại:Email.....

Nội dung yêu cầu giải quyết:

.....
Qua xem xét, (2) thông báo không thể tiếp nhận, giải quyết hồ sơ này với lý do cụ thể như sau:

.....
.....
.....

Xin thông báo cho(3)..... được biết và thực hiện./.

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

Ghi chú: (1). Cơ quan, đơn vị cấp trên trực tiếp của cơ quan, đơn vị tiếp nhận hồ sơ.

(2). Cơ quan, đơn vị tiếp nhận hồ sơ.

(3). tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính.

Mẫu số 05

(1)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /PXL-.....(3).....

Hà Nội, ngày tháng năm

PHIẾU XIN LỖI VÀ HẸN LẠI NGÀY TRẢ KẾT QUẢ

Kính gửi:.....(4)..... Địa chỉ

Ngày.....tháng.....năm....., (2) tiếp nhận giải quyết hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính (TTHC): ...(5)... của(4).....; hồ sơ mã số:

Thời gian hẹn kết quả giải quyết hồ sơ: giờ ... phút, ngày ... tháng năm...

Tuy nhiên đến nay, (2) chưa trả kết quả giải quyết hồ sơ của ...(4)... đúng thời hạn quy định ghi trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

Lý do:

Sự chậm trễ này đã gây phiền hà, tốn kém chi phí, công sức của ... (4) ...

...(2)... thành thật xin lỗi ...(4)..... và sẽ trả kết quả giải quyết cho ...(4)... vào ngày..... tháng.....năm.....

Mong nhận được sự thông cảm của ...(4)... vì sự chậm trễ này./.

THỦ TRƯỞNG (2)

(Ký tên đóng dấu)

Ghi chú: (1). Tên Cơ quan, đơn vị cấp trên trực tiếp của cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính.

(2). Cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính.

(3). Chữ viết tắt cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.

(4). Tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính.

BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ

Số: /BPTN&TKQ

Mẫu số: 06
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

SỔ THEO DÕI HỒ SƠ

Thuộc lĩnh vực:.....

STT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ /SĐT/Email	Cơ quan giải quyết TTHC	Nhận hồ sơ		Trả kết quả	
						Ngày, tháng, năm	Hẹn trả kết quả	Ngày, tháng, năm	Ký nhận

Ghi chú: Sổ theo dõi hồ sơ được lập theo từng lĩnh vực.

Số: 2584 /BC-VP

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính Quý I và phương hướng nhiệm vụ Quý II năm 2026

Thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC); Văn phòng Bộ Quốc phòng (BQP) báo cáo tình hình, kết quả công tác kiểm soát TTHC Quý I và phương hướng, nhiệm vụ Quý II năm 2026, như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Quân ủy Trung ương, Lãnh đạo BQP, Ban Chỉ đạo của BQP về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (CĐS), thực hiện Đề án 06 và cải cách hành chính (CCHC) tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ¹ về công tác cải cách TTHC, kiểm soát TTHC, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- BQP đã ban hành các Kế hoạch: (1) Cải cách hành chính năm 2026 của BQP²; (2) Kiểm soát TTHC năm 2026 của BQP³; (3) Sửa đổi, bổ sung Kế hoạch số 4656/KH-BQP ngày 31/7/2025 của BQP thực hiện Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ⁴; (4) Chuyển đổi số và thực hiện Đề án 06 trong BQP năm 2026⁵. Ban hành các Quyết định: (1) Công bố TTHC được thay thế lĩnh vực chính sách thuộc phạm vi chức năng quản lý của

¹ (1) Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; (2) Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; (3) Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026; (4) Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; (5) Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (6) Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá giáo dục và đào tạo; (7) Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 08/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

² Kế hoạch số 276/KH-BQP ngày 15/01/2026 của BQP.

³ Kế hoạch số 274/KH-BQP ngày 15/01/2026 của BQP.

⁴ Kế hoạch số 273/KH-BQP ngày 15/01/2026 của BQP.

⁵ Kế hoạch số 386/KH-BQP ngày 20/01/2026 của BQP.

BQP⁶; (2) Công bố TTHC ban hành mới, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý vùng trời thuộc phạm vi chức năng quản lý của BQP⁷; (3) Công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc phạm vi chức năng quản lý của BQP⁸; (4) Công bố TTHC được thay thế trong lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của BQP⁹; (5) Công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công nghiệp quốc phòng¹⁰. Tổ chức Hội nghị tổng kết năm 2025 về công tác phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, CDS, thực hiện Đề án 06 và CCHC theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến tại 45 điểm cầu trong toàn quân¹¹; tổ chức Hội nghị quán triệt, triển khai các kế hoạch năm 2026 về CCHC, kiểm soát TTHC, CDS theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến tại 49 điểm cầu trong toàn quân; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh rà soát cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC, tái cấu trúc thực hiện trên môi trường điện tử và số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

2. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL

- Số lượng TTHC đã được đánh giá tác động trong kỳ báo cáo: 03 TTHC¹².
- Số lượng TTHC được ban hành trong kỳ báo cáo đã được đánh giá tác động: Không.

3. Thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL: Không.

4. Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC

- Tổng số Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC đã được ban hành trong kỳ báo cáo: 05 quyết định.
- Tổng số văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố: 01 quyết định¹³; 03 nghị định¹⁴ 02 thông tư¹⁵

⁶ Quyết định số 132/QĐ-BQP ngày 09/01/2026 của Bộ trưởng BQP (thay thế 01 TTHC lĩnh vực chính sách).

⁷ Quyết định số 241/QĐ-BQP ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng BQP (ban hành mới 08 TTHC, bãi bỏ 06 TTHC lĩnh vực quản lý vùng trời).

⁸ Quyết định số 485/QĐ-BQP ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng BQP (sửa đổi, bổ sung 07 TTHC lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ).

⁹ Quyết định số 218/QĐ-BQP ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng BQP (thay thế 05 TTHC lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu).

¹⁰ Quyết định số 1176/QĐ-BQP ngày 14/3/2026 của Bộ trưởng BQP (sửa đổi, bổ sung 02 TTHC lĩnh vực lĩnh vực công nghiệp quốc phòng).

¹¹ Đại tướng Phan Văn Giang, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng BQP chủ trì; Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Nguyễn Mạnh Hùng, đại diện Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Nội vụ tham dự.

¹² Dự thảo Thông tư quy định về trình tự, thủ tục cấp phép cho tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam và tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài; thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, chuyển cảng đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam; nội dung và phạm vi bảo vệ của doanh nghiệp bảo vệ được thuê bảo vệ tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam để sửa chữa: (1) Thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, chuyển cảng đối với tàu quân sự nước ngoài đến cảng biển Việt Nam; (2) Thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, chuyển cảng đối với tàu quân sự nước ngoài đến lãnh hải, khu vực nội thủy ngoài vùng nước cảng biển; (3) Thủ tục cấp phép cho doanh nghiệp bảo vệ được thuê làm dịch vụ bảo vệ tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam để sửa chữa.

¹³ Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg ngày 23/01/2026.

¹⁴ (1) Nghị định số 343/2025/NĐ-CP ngày 28/12/2026; (2) Nghị định số 228/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025; (3) Nghị định số 60/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026.

¹⁵ (1) Thông tư 146/2025/TT-BQP ngày 25/12/2025; (2) Thông tư số 09/2026/TT-BQP ngày 22/01/2026.

- Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố: 29 TTHC.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền quản lý, theo dõi tính đến thời điểm báo cáo: 209 TTHC (tăng 02 TTHC so với quý trước); trong đó, số TTHC ban hành mới: 08, sửa đổi, bổ sung và thay thế: 15, số TTHC bị bãi bỏ: 06; số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của BQP: 200, số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh: 07, số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã: 02.

5. Rà soát, đơn giản hóa TTHC và thực thi các phương án đơn giản hóa đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

- Tổng số TTHC cần rà soát: 209 TTHC; trong đó 40 TTHC có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và 68 TTHC thực hiện trên môi trường điện tử (67 TTHC mức độ toàn trình, 01 TTHC mức độ một phần).

- Tổng số TTHC đã được rà soát, thông qua phương án đơn giản hóa: 209 TTHC.

- Phương án đơn giản hóa cụ thể: Số TTHC giữ nguyên: 200 TTHC; số TTHC ban hành mới: 08; sửa đổi, bổ sung và thay thế: 15; số TTHC bãi bỏ: 06; số TTHC có giải pháp để thực hiện trên môi trường điện tử: 57.

6. Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định TTHC

a) Tình hình, kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ

* Tổng số phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- BQP đã ban hành theo thẩm quyền Quyết định số 3977/QĐ-BQP ngày 15/8/2025 phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của BQP năm 2025; trong đó, phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa đối với 11/40 TTHC (07 TTHC lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; 04 TTHC lĩnh vực xe - máy quân sự).

- Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 04/9/2025 phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của BQP năm 2025; trong đó cắt giảm, đơn giản hóa 20/40 TTHC (05 TTHC lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu; 05 TTHC lĩnh vực mật mã dân sự; 06 TTHC lĩnh vực quản lý vùng trời; 04 TTHC lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ); cắt giảm, đơn giản hóa 11 ĐKKD).

- Số TTHC cắt giảm, đơn giản hóa: 40 TTHC¹⁶; trong đó, đã thực thi 09/40

¹⁶ (1) Lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu: 05 thủ tục; (2) Lĩnh vực quản lý vùng trời: 15 thủ tục; (3) Lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ: 11 thủ tục; (4) Lĩnh vực quản lý xe - máy quân sự: 04 thủ tục; (5) Lĩnh vực mật mã dân sự: 05 thủ tục.

TTHC trong quá trình xây dựng phương án trình Thủ tướng Chính phủ (*Nghị định số 101/2025/NĐ-CP ngày 09/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng*).

* Về kết quả thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg ngày 23/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu đã thực thi 05/40 TTHC.

- Nghị định số 228/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ quy định về quản lý phương tiện bay không người lái và phương tiện bay khác đã thực thi 06/40 TTHC.

- Thông tư số 130/2025/TT-BQP ngày 25/11/2025 của Bộ trưởng BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 67/2024/TT-BQP ngày 14/10/2024 của Bộ trưởng BQP quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng đã thực thi 04/40 TTHC.

- Thông tư số 09/2026/TT-BQP ngày 22/01/2026 của Bộ trưởng BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2024/TT-BQP ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng BQP quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của BQP đã thực thi 07/40 TTHC.

Tính đến ngày 24/02/2026, BQP đã thực thi 31/40 TTHC, đạt tỷ lệ 77,5 %.

* Tổng số TTHC, ĐKKD chưa thực thi là 09 TTHC và 11 ĐKKD:

Số lượng văn bản QPPL chưa thực thi và đưa vào Nghị quyết của Chính phủ: (1) Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (*thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương*) để thực thi 04 TTHC; (2) Nghị định số 211/2025/NĐ-CP ngày 25/7/2025 của Chính phủ quy định về hoạt động mật mã dân sự và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm quy định hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27/01/2022 (*thuộc trách nhiệm của Bộ Quốc phòng*) để thực thi 05 TTHC và 02 ĐKKD; (3) Nghị định số 101/2022/NĐ-CP ngày 08/12/2022 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng, vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh (*thuộc trách nhiệm của Bộ Quốc phòng*) để thực thi 09 ĐKKD.

b) Tình hình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu số theo Nghị quyết số 66.7/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ

BQP đã ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu trong BQP¹⁷; triển khai các Văn bản: Số 7725/BTP-VP ngày 27/11/2025 về việc thống kê, rà soát TTHC ở 3 cấp chính quyền¹⁸; số 225/VPCP-KSTT ngày 08/01/2026 về việc sửa đổi VBQPPL, tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP¹⁹; số 980/BTP-KSTT ngày 13/02/2026 của Bộ Tư pháp về việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP (*Chi tiết có phụ lục gửi kèm theo*).

c) Về thực thi phương án đơn giản hóa các quy định, TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp

BQP có 02 TTHC phải thực hiện phương án đơn giản hóa²⁰ theo đó, phải sửa đổi, bổ sung Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (*thuộc trách nhiệm Bộ Nội vụ*).

d) Kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ

BQP đã công bố: 75 TTHC nội bộ nhóm A tại Quyết định số 2989/QĐ-BQP ngày 07/7/2023 về việc công bố TTHC nội bộ giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của BQP; 92 TTHC nội bộ nhóm B tại Quyết định số 6631/QĐ-BQP ngày 19/12/2023 về việc công bố danh mục TTHC nội bộ giữa các cơ quan, đơn vị trong BQP năm 2023.

Công bố 02 TTHC nội bộ nhóm A tại Quyết định số 5557/QĐ-BQP ngày 03/11/2025 về việc công bố TTHC nội bộ được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của BQP; công bố 04 TTHC nhóm B tại Quyết định số 5260/QĐ-BQP ngày 04/11/2025 về việc công bố TTHC nội bộ được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh giữa các cơ quan, đơn vị trong BQP.

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 09/01/2025 phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ nhóm A đối với 18/75 TTHC, đạt tỷ lệ 24%; Bộ trưởng BQP đã ban hành Quyết định số 126/QĐ-BQP ngày 10/01/2024 phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ nhóm B đối với 36/92 TTHC, đạt tỷ lệ 39,13%.

¹⁷ Kế hoạch số 7730 /KH-BQP ngày 28/11/2025 của BQP.

¹⁸ Báo cáo số 8000/BC-BQP ngày 08/12/2025 của BQP.

¹⁹ Công văn số 372/VP-CCHC ngày 12/01/2026.

²⁰ Cụ thể: (i) Thủ tục Hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công là thương binh chưa được hưởng chế độ ưu đãi do gửi sổ đi B; (ii) Thủ tục Hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công đang tại ngũ, công tác.

- Đã ban hành Kế hoạch số 832/KH-BQP ngày 21/02/2025 để triển khai Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 09/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của BQP.

Tính đến thời điểm báo cáo, BQP đã ban hành 03 nghị định²¹ và 05 thông tư²² để thực thi 16/18 TTHC nội bộ giữa các cơ quan đơn vị trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của BQP (nhóm A), đạt tỷ lệ 88,9%; ban hành 04 thông tư²³ để thực thi 29/36 TTHC nội bộ giữa các cơ quan, đơn vị trong BQP (nhóm B) trong đó, 23 TTHC nội bộ lĩnh vực Xe - Máy quân sự, 02 TTHC nội bộ lĩnh vực quản lý công nghệ thông tin, 04 TTHC lĩnh vực quản lý hoạt động khắc phục rà soát bom mìn, vật liệu nổ sau chiến tranh, đạt tỷ lệ 80,6%.

7. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính

Tình hình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Trong Quý I, tiếp nhận 332 PAKN, đã hoàn thành giải quyết 332 PAKN; tỷ lệ giải quyết PAKN đúng hạn: 100%.

8. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC

Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo: 3.764 hồ sơ, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 3.764; số từ kỳ trước chuyển qua: 0; số lượng hồ sơ đã giải quyết: 3.731, số lượng hồ sơ đang giải quyết: 33; đạt tỷ lệ 100%;

9. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

- BQP đã ban hành Kế hoạch triển khai Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia trong BQP.

²¹ 03 Nghị định: (1) Nghị định số 209/2025/NĐ-CP ngày 21/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của BQP; (2) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 26/6/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách bảo đảm cho động viên công nghiệp; chế độ chính sách đối với người lao động trực tiếp thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp (mật); (3) Nghị định số 220/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định trong lĩnh vực quốc phòng, quân sự khi thực hiện tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

²² 05 Thông tư: (1) Thông tư số 115/2024/TT-BQP ngày 19/12/2024 của Bộ trưởng BQP quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong BQP (thay thế Thông tư số 169/2017/TT-BQP ngày 17/7/2017); (2) Thông tư số 36/2024/TT-BQP ngày 07/7/2024 của Bộ trưởng BQP bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng BQP (bãi bỏ Thông tư số 129/2014/TT-BQP ngày 23/9/2014); (3) Thông tư số 101/2025/TT-BQP ngày 13/9/2025 của Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều các Thông tư về điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ; (4) Thông tư số 27/2025/TT-BQP ngày 14/5/2025 Bộ trưởng BQP về khảo sát lựa chọn, đăng ký, quản lý, theo dõi năng lực doanh nghiệp đủ điều kiện động viên công nghiệp; hoàn chỉnh, quản lý, duy trì năng lực đầy đủ chuyển động viên công nghiệp (Mật); (5) Thông tư số 28/2025/TT-BQP ngày 14/5/2025 Bộ trưởng BQP về xây dựng, thẩm định, phê duyệt kế hoạch động viên công nghiệp các cấp; thông báo quyết định động viên công nghiệp (Mật).

²³ 04 Thông tư: (1) Thông tư số 69/2024/TT-BQP ngày 14/10/2024 của Bộ trưởng BQP quy định về đăng ký, quản lý, sử dụng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của BQP (12 TTHC); (2) Thông tư số 68/2024/TT-BQP ngày 14/10/2024 của Bộ trưởng BQP quy định đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe quân sự; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe - máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của BQP (11 TTHC); (3) Thông tư số 107/2024/TT-BQP ngày 30/11/2024 của Bộ trưởng BQP quy định quản lý và bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng thuộc phạm vi quản lý của BQP (02 TTHC); (4) Thông tư số 101/2025/TT-BQP ngày 13/9/2025 của BQP sửa đổi, bổ sung một số điều các Thông tư về điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ.

- Tổ chức Bộ phận Một cửa BQP bằng việc bổ sung nhiệm vụ cho Phòng Tiếp công dân thuộc Thanh tra BQP (*Văn bản số 1879/TM-QL ngày 20/9/2018 của Bộ Tổng Tham mưu*) tại địa chỉ Km11 đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, thành phố Hà Nội; tổ chức 01 Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC tại Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ tại số 43 phố Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, thành phố Hà Nội để tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC về mật mã dân sự; tổ chức Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC tại 152 đồn Biên phòng để giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Đã thực hiện số hóa trong tiếp nhận, giải quyết TTHC đối với 45 TTHC tại 152 đồn Biên phòng; 05 TTHC tại 01 cơ quan cấp cục (*Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã*).

- Hoàn thành kết nối Hệ thống thông tin giải quyết TTHC BQP với Cổng DVC quốc gia mới tại Trung tâm dữ liệu quốc gia (C12/BCA) theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương.

- Hoàn thành chuẩn hóa mã số kết quả giải quyết TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC quy định Thông tư số 04/2025/TT-VPCP ngày 08/12/2025 của Văn phòng Chính phủ quy định về thông tin, dữ liệu được kết nối, chia sẻ giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia với các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, CSDL dùng chung của cơ quan nhà nước phục vụ giải quyết TTHC.

10. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

- BQP đã cung cấp 68 Dịch vụ công (DVC) trực tuyến (67 toàn trình, 01 một phần) trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC BQP (*07 TTHC lĩnh vực Giải quyết tố cáo; 10 TTHC lĩnh vực Khiếu nại; 15 TTHC lĩnh vực Quản lý vùng trời; 11 TTHC lĩnh vực Quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; 03 TTHC lĩnh vực Báo chí; 16 TTHC lĩnh vực Quản lý vùng trời, 05 TTHC lĩnh vực Mật mã dân sự*); 19 TTHC lĩnh vực Quản lý biên giới thực hiện trực tuyến trên Cổng thông tin một cửa quốc gia (*02/19 TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng chuyển BQP giải quyết*). Dự kiến trong Quý I/2026 sẽ cung cấp thêm 48 DVCTT (18 toàn trình, 30 một phần)

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC BQP hiện đã kết nối với CSDL quốc gia về dân cư, Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đang triển khai kết nối với CSDL chuyên ngành của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tư pháp và Bộ Y tế. Đã hoàn thành việc hợp nhất hệ thống cung cấp DVC trực tuyến của Ban Cơ yếu Chính phủ, Cục Quân huấn - Nhà trường theo Kế hoạch triển khai nền tảng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC BQP (*Quyết định số 5405/QĐ-BQP ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng BQP*).

- Theo đánh giá của Chính phủ về thực hiện TTHC, DVC theo thời gian thực trên môi trường điện tử (*Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ*), trong Quý I/2026, dữ liệu thống kê trên Cổng DVC quốc gia cho các bộ, ngành, địa phương không chính xác (do đang giai đoạn chuyển dịch sang Cổng DVC quốc gia mới do Bộ Công an xây dựng).

11. Công tác thông tin, tuyên truyền và tập huấn, bồi dưỡng về kiểm soát TTHC

- Quý I/2026, công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC, CDS trong toàn quân tiếp tục được BQP quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, sâu rộng. BQP đã ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh tuyên truyền về phát triển KHCN, ĐMST, CDS, thực hiện Đề án 06 và CCHC trên mạng truyền số liệu quân sự và internet. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tấn, báo chí xây dựng, đăng phát các phóng sự, video clip, chuyên trang, chuyên mục phản ánh sinh động kết quả CCHC, CDS. Các ấn phẩm thông tin, tờ gấp, panô, áp phích tuyên truyền được biên soạn, phát hành kịp thời, phù hợp với từng đối tượng, góp phần lan tỏa mạnh mẽ tinh thần CCHC, CDS trong toàn quân.

- Xây dựng, ban hành 04 Kế hoạch²⁴ kiểm tra các công tác phát triển KHCN, ĐMST, CDS, thực hiện Đề án 06 và CCHC, cải cách TTHC nội bộ đối với 30 cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP. Đến thời điểm báo cáo đã kiểm tra 02 đơn vị.

*** Đánh giá chung:** Quý I/2026, BQP đã quán triệt và triển khai nghiêm túc, quyết liệt, có hiệu quả các chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ về công tác kiểm soát TTHC, cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số; nhận thức của lãnh đạo, chỉ huy và cán bộ, nhân viên các cơ quan, đơn vị toàn quân về cải cách TTHC, kiểm soát TTHC có nhiều chuyển biến tích cực; các mục tiêu, yêu cầu cải cách TTHC, kiểm soát TTHC đề ra cơ bản hoàn thành đúng tiến độ và bảo đảm chất lượng. Tuy nhiên, công tác cải cách TTHC trong BQP có nội dung kết quả chưa cao, như: Tỷ lệ TTHC giải quyết trực tuyến trên môi trường điện tử; việc tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã được số hóa và khai thác thông tin trên các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành,...

²⁴ (1) Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC và CDS; (2) Kế hoạch Kiểm tra công tác ứng dụng, phát triển KHCN, ĐMST, CDS trong giáo dục và đào tạo tại một số học viện, nhà trường trong Quân đội; (3) Kế hoạch kiểm tra công tác ứng dụng KHCN, ĐMST, CDS, CCHC và phát triển kinh tế số tại một số doanh nghiệp trong Quân đội; (4) Kế hoạch kiểm tra rà soát TTHC nội bộ của các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ II NĂM 2026

1. Tiếp tục quán triệt và triển khai nghiêm túc, có hiệu quả: Các kết luận, chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026; Nghị quyết số 66.7/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu số.

2. Đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác cải cách TTHC; chú trọng các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về kiểm soát TTHC, trọng tâm là: Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, điều kiện kinh doanh; số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; đánh giá tác động TTHC; rà soát văn bản QPPL có quy định TTHC, TTHC nội bộ; áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO.

3. Tiếp tục tăng cường kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới quy định về TTHC trong các văn bản QPPL; kiểm soát TTHC ngay từ khâu xây dựng, dự thảo văn bản QPPL và thực hiện đúng quy định về đánh giá tác động TTHC trong quá trình xây dựng văn bản QPPL, bảo đảm chỉ ban hành văn bản QPPL có quy định TTHC bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và với chi phí tuân thủ TTHC thấp nhất.

4. Tăng cường thực hiện các dịch vụ hành chính công trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC BQP và duy trì vị trí xếp hạng cao về Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVC theo thời gian thực trên môi trường điện tử (*Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ*); thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

5. Triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/5/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng DVC quốc gia và Kế hoạch thực hiện Nghị định số 367/2026/NĐ-CP ngày 31/12/2025; tiếp tục triển khai dự án Hệ thống một cửa liên thông toàn quân theo tiến độ đã được phê duyệt; điều chỉnh “Đề án CDS trong BQP đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” và tổ chức thực hiện.

6. Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 04/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3977/QĐ-BQP ngày 15/8/2025 của Bộ trưởng BQP phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của

BQP đúng tiến độ đã được phê duyệt; Kiểm tra công tác TTHC nội bộ một số cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP.

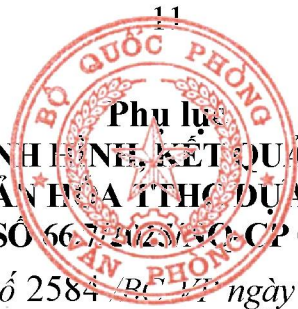
7. Tiếp tục đẩy mạnh ký số, gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử phục vụ giải quyết TTHC toàn trình; kết nối, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp DVC trực tuyến đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong BQP. Thực hiện các nghiệp vụ kiểm soát TTHC thường xuyên theo quy định.

Nơi nhận:

- Đ/c Thứ trưởng Nguyễn Văn Hiền (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC) (để b/c);
- VPBQP: CVP, PCVP(CCHC);
- Lưu: VT, TTĐT, BM, CCHC. S08.



Thiếu tướng Lê Văn Dũng



**BIỂU MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA TTHC DỰA TRÊN DỮ LIỆU THEO
NGHỊ QUYẾT SỐ 66.7/2025/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Báo cáo số 2584/B.C. TT ngày 20 tháng 3 năm 2026
của Văn phòng Bộ Quốc phòng)

A. Kết quả sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL theo Nghị quyết số 66.7/NQ-CP của Chính phủ

STT	Tên VBQPPL cần sửa đổi, bổ sung	Tên VBQPPL đã được ban hành (Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành)	Số TTHC đã thay thế ²⁵ bằng dữ liệu sau khi VBQPPL được sửa đổi, bổ sung	Số TTHC đã cắt giảm ²⁶ bằng dữ liệu sau khi VBQPPL được sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
1	Luật an toàn thông tin mạng năm 2015	Luật an ninh mạng năm 2025	02		Thuộc trách nhiệm của Bộ Công an
2	Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của BQP	01		
3	Nghị định số 99/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Công nghiệp quốc phòng an ninh và động viên công nghiệp	Nghị định số 60/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026 của Chính phủ quy định về tổ hợp và an ninh quốc gia	02		
4	Nghị định số 131/2021 ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng		02		Thuộc trách nhiệm của Bộ Nội vụ

²⁵ Thuộc Phụ lục I Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ
²⁶ Thuộc Phụ lục II Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ

STT	Tên VBQPPL cần sửa đổi, bổ sung	Tên VBQPPL đã được ban hành (Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành)	Số TTHC đã thay thế bằng dữ liệu sau khi VBQPPL được sửa đổi, bổ sung	Số TTHC đã cắt giảm ²⁶ bằng dữ liệu sau khi VBQPPL được sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
5	Nghị định số 13/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 220/2025/NĐ-CP		01		

B. Kết quả tái cấu trúc quy trình giải quyết đối với các TTHC có thành phần hồ sơ được thay thế thông tin trên các Cơ sở dữ liệu đã được các Bộ công bố

Tổng số TTHC phải tái cấu trúc theo các CSDL (Theo Danh mục tại Phụ lục II ban hành kèm theo Công văn này)	Tổng số TTHC đã tái cấu trúc theo các CSDL	Số liệu chi tiết TTHC đã tái cấu trúc theo các CSDL									
		Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử	Cơ sở dữ liệu quốc gia nền tảng Số sức khỏe điện tử	Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện	Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp	Cơ sở dữ liệu Giấy phép lái xe	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đất đai	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm xã hội	Từ 02 Cơ sở dữ liệu trở lên
07	07	03	0	0	0	0	0	04	0	0	0



Ký bởi: VĂN PHÒNG BQP
Ngày ký: 11-05-2026
17:36:24 +07:00

**BỘ QUỐC PHÒNG
VĂN PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4498/VP-TTĐT

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2026

V/v kết nối, khai thác CSDL quốc gia,
CSDL chuyên ngành tại Trung tâm
Dữ liệu quốc gia



Kính gửi: Trung tâm Dữ liệu quốc gia/Bộ Công an.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 165/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu; số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị; Văn phòng Bộ Quốc phòng (BQP) trân trọng đề nghị Trung tâm dữ liệu quốc gia:

- Hướng dẫn, triển khai kết nối, khai thác các cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia, CSDL chuyên ngành đã được công bố và đồng bộ tại Trung tâm dữ liệu quốc gia với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính BQP (thông tin khai thác tại Phụ lục kèm theo).

- Tiếp tục hỗ trợ BQP kết nối các CSDL khác sau khi chủ quản CSDL đồng bộ, tích hợp lên Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Văn phòng BQP cử đồng chí *Trung tá Nguyễn Văn Dũng*, SĐT 0983.283.303, Email: *dungnv@mod.gov.vn* là đầu mối phối hợp và cam kết khai thác, sử dụng đúng mục đích dữ liệu được kết nối. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ trưởng Nguyễn Văn Hiền (để b/c);
- C20: CVP, PCVP^{TTĐT};
- Tập đoàn Viettel (để p/h);
- Lưu: VT, TTĐT. D07.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Thiếu tướng Lê Văn Dũng

Phụ lục
THÔNG TIN KHAI THÁC CÁC CSDL QUỐC GIA, CSDL CHUYÊN NGÀNH
ĐÃ CÔNG BỐ TÍNH ĐẾN NGÀY 11/5/2026

(Kèm theo Công văn số 4498 /VP-TTĐT ngày 11 /5/2026 của Văn phòng BQP)

STT	Tên CSDL	Cơ quan chủ quản	Trường thông tin khai thác	Mục đích khai thác	Quyết định công bố CSDL
1	CSDL hộ tịch điện tử	Bộ Tư pháp	Thông tin: Đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký kết hôn, cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.	Giải quyết TTHC và các nghiệp vụ chuyên ngành	Quyết định số 3458/BTP-HCTP ngày 10/12/2025
2	CSDL Đăng ký doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Giấy chứng nhận: Đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký hộ kinh doanh.	Giải quyết TTHC và các nghiệp vụ chuyên ngành	Quyết định số 50/QĐ-BTC ngày 14/01/2026
3	CSDL Đất đai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thông tin: Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thửa đất; tài sản gắn liền với đất; thông tin khác (đăng ký thế chấp, Sổ phát hành Giấy chứng nhận,...).	Giải quyết TTHC và các nghiệp vụ chuyên ngành	Quyết định số 441/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026
4	CSDL Sổ sức khỏe điện tử	Bộ Y tế	Thông tin: Hành chính, tiền sử, từng đợt khám, chữa bệnh, tóm tắt hồ sơ bệnh án.	Giải quyết TTHC và các nghiệp vụ chuyên ngành	Quyết định số 31/QĐ-BYT ngày 06/01/2026
5	CSDL về biện pháp bảo đảm bằng động sản	Bộ Tư pháp	Thông tin: Đăng ký biện pháp bảo đảm, bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm, tài sản bảo đảm.	Giải quyết TTHC và các nghiệp vụ chuyên ngành	Quyết định số 1046/QĐ-BTP ngày 20/4/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13... tháng 5... năm 2026

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Rà soát, xác nhận số lượng TTHC tại TTDLQG công khai của Bộ Quốc phòng trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

1. Thời gian: 9... giờ 00... phút, ngày 13... tháng 5... năm 2026

2. Địa điểm: Tại trụ sở Bộ Công an (Phòng 905 - B06), số 47 Phạm Văn Đồng, phường Phú Diễn, Hà Nội.

3. Thành phần tham dự:

- Đại diện Trung tâm Dữ liệu quốc gia:

+ Ông/Bà: Thiếu tá Vũ Tiến Dũng – Chức vụ: Phó trưởng Phòng 4

+ Ông/Bà: Thiếu úy Hoàng Ngọc Long – Chức vụ: Cán bộ

- Đại diện Bộ Quốc phòng:

+ Ông/Bà: Đại tá Nguyễn Khắc Sánh – Chức vụ: Cán bộ

+ Ông/Bà: – Chức vụ:

- Đại diện Bộ Tư pháp:

+ Ông/Bà: Nguyễn Tú Uyên..... – Chức vụ: Chuyên viên chính

+ Ông/Bà: – Chức vụ:

4. Nội dung làm việc:

Triển khai đồng bộ danh mục TTHC từ Cổng Dịch vụ công quốc gia do Văn phòng Chính phủ vận hành sang Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

5. Kết luận:

Các đơn vị thống nhất xác nhận số liệu TTHC đã rà soát công khai của Bộ Quốc phòng trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và xác nhận kết quả rà soát TTHC trên hệ thống CSDLQG về TTHC, cụ thể như sau:

- Tổng số TTHC công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia của VPCP:....188.

- Tổng số TTHC bãi bỏ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia của VPCP:.....497.
- Tổng số TTHC chờ công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia của VPCP:..0.....
- Tổng số TTHC đề nghị công khai theo danh sách của Bộ Quốc phòng:.....188.....
- Tổng số TTHC đã rà soát trên Cổng Dịch vụ công quốc gia:..188.....
- Tổng số TTHC bãi bỏ trên CSDL TTHC:.....0.....
- Tổng số TTHC chờ công khai trên CSDL TTHC:....0.....
- Tổng số TTHC đã công khai trên CSDL TTHC:....188.....
- Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Sau khi hoàn thiện rà soát các TTHC trên CSDL TTHC Quốc gia mà không nằm ở trạng thái công khai thì sẽ được đưa về trạng thái bãi bỏ trên CSDL TTHC Quốc gia.

Biên bản kết thúc vào hồi .1.1... giờ .0.0.. phút cùng ngày.

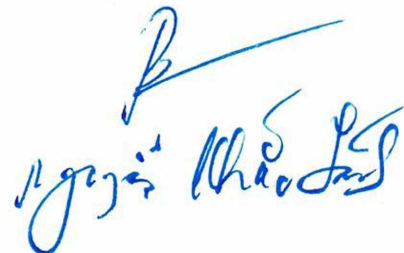
Biên bản được lập thành .4.... bản, có giá trị như nhau.

Các bên đã đọc lại, thống nhất nội dung và cùng ký xác nhận.

ĐẠI DIỆN C12


Thiếu tá Vũ Tiến Dũng

**ĐẠI DIỆN VĂN PHÒNG
BỘ QUỐC PHÒNG**



**ĐẠI DIỆN CỤC KIỂM SOÁT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH – BỘ TƯ PHÁP**


 Nguyễn Tú Quyên

PHỤ LỤC
DANH SÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA BỘ QUỐC PHÒNG
TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA TẠI C12

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Số quyết định	Trạng thái
1	1.013125	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ từ 50.000 m3 trở lên, các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng lớn hơn hoặc bằng 50.000 DWT	Quyết định số 518/QĐ-BQP	Đã công khai
2	1.013124	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở, dự án dầu khí ngoài khơi	Quyết định số 518/QĐ-BQP	Đã công khai
3	1.013126	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cảng, cơ sở, dự án tại địa phương	Quyết định số 518/QĐ-BQP	Đã công khai
4	1.013127	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ từ 50 m3 đến dưới 50.000 m3, các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng dưới 50.000 DWT	Quyết định số 518/QĐ-BQP	Đã công khai
5	1.013130	Thủ tục thẩm định, công nhận hồ sơ thiết kế xe cơ giới sản xuất, lắp ráp trong nước theo thiết kế và mang nhãn hiệu hàng hóa của nước ngoài	6376/QĐ-BQP	Đã công khai
6	1.013136	Thủ tục Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung	6375/QĐ-BQP	Đã công khai
7	1.013129	Thủ tục thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế xe cơ giới sản xuất, lắp ráp trong nước theo thiết kế mới	6376/QĐ-BQP	Đã công khai
8	1.013133	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu	6375/QĐ-BQP	Đã công khai
9	1.013135	Thủ tục đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị	6375/QĐ-BQP	Đã công khai
10	1.013128	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển và các cơ sở, dự án trên địa bàn xã không thuộc đối tượng kinh doanh, vận chuyển xăng dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu mức độ nhỏ (dung tích chứa dưới 50 m3)	Quyết định số 518/QĐ-BQP	Đã công khai
11	1.013132	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới sản xuất, lắp ráp trong nước	6376/QĐ-BQP	Đã công khai
12	1.013131	Thủ tục thẩm định, công nhận hồ sơ thiết kế xe cơ giới sản xuất, lắp ráp trong nước theo hồ sơ thiết kế đã được Cục Đăng kiểm Việt Nam thẩm định, phê duyệt	6376/QĐ-BQP	Đã công khai
13	1.013138	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng	6375/QĐ-BQP	Đã công khai
14	1.013134	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	6375/QĐ-BQP	Đã công khai
15	1.013137	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	6375/QĐ-BQP	Đã công khai
16	1.013139	Thủ tục đăng ký miễn nghĩa vụ quân sự thời chiến	6375/QĐ-BQP	Đã công khai

22
47

17	1.013140	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30/4/1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
18	1.013141	Thủ tục giải quyết chế độ một lần đối với thân nhân của quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30/4/1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ đã từ trần	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
19	1.013145	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
20	1.013142	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
21	1.013148	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam (bao gồm cả lực lượng mật quốc phòng), đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
22	1.013144	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
23	1.013143	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần)	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
24	1.013147	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam (bao gồm cả lực lượng mật quốc phòng)	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
25	1.013146	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội tham gia chiến đấu, hoạt động ở chiến trường B, C, K, sau đó trở thành người hưởng lương	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
26	1.013170	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần, cấp “Giấy chứng nhận” đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
27	1.013151	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)	5132/QĐ-BQP	Đã công khai

28	1.013174	Thủ tục đề nghị công nhận liệt sĩ đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ đang tại ngũ, công tác hy sinh	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
29	1.013161	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ, tuyển dụng sau ngày 30/4/1975, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
30	1.013149	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng lập hồ sơ lần đầu)	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
31	1.013150	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội đã được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg (nay bổ sung đối tượng theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg)	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
32	1.013160	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 15 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
33	1.013159	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 15 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (bao gồm cả đối tượng đã từ trần)	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
34	1.013152	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
35	1.013172	Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ đối với người Việt Nam có công với cách mạng; chế độ hỗ trợ và cấp “Giấy chứng nhận” đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài không ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ	3745/QĐ-BQP	Đã công khai
36	1.013157	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có từ đủ 15 đến dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
37	1.013155	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng cư trú ở địa phương khác)	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
38	1.013173	Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp “Giấy chứng nhận” đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ	3745/QĐ-BQP	Đã công khai

2
A

39	1.013163	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối với đối tượng đã từ trần) do Bộ Quốc phòng giải quyết	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
40	1.013177	Thủ tục khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đang tại ngũ, công tác có vết thương đặc biệt tái phát và điều chỉnh chế độ	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
41	1.013175	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến đang tại ngũ, công tác	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
42	1.013180	Thủ tục công nhận và thực hiện chế độ ưu đãi đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ bị địch bắt tù, đày đang tại ngũ, công tác	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
43	1.013178	Thủ tục khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với người bị thương đang tại ngũ, công tác còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
44	1.013189	Thủ tục tạm đình chỉ, chấm dứt hưởng chế độ ưu đãi đối với người có công đã chuyển ra quy định tại khoản 2 Điều 118 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
45	1.013183	Thủ tục công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ bị thương trong chiến tranh đang tại ngũ, công tác	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
46	1.013181	Thủ tục tiếp nhận, hoàn thiện hồ sơ, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh đề nghị công nhận liệt sĩ đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
47	1.013187	Thủ tục tạm đình chỉ, chấm dứt hưởng chế độ ưu đãi đối với người có công theo quy định tại khoản 1 Điều 118 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
48	1.013182	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương đề nghị công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ bị thương trong chiến tranh đã chuyển ra	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
49	1.013179	Thủ tục công nhận bệnh binh đối với quân nhân đang tại ngũ	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
50	1.013190	Thủ tục hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công đang tại ngũ, công tác	5132/QĐ-BQP	Đã công khai

51	1.013196	Thủ tục xác nhận đối với quân nhân đã xuất ngũ bị bệnh cũ tái phát dẫn đến tâm thần quy định tại điểm h khoản 1 Điều 33 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
52	1.013193	Thủ tục sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công đang tại ngũ, công tác	1679/QĐ-BQP	Đã công khai
53	1.013199	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự	2005/QĐ-BQP	Đã công khai
54	1.013185	Thủ tục lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị chỉnh hình phục hồi chức năng đối với người có công đang tại ngũ, công tác	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
55	1.013176	Thủ tục công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ đang tại ngũ, công tác	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
56	1.013186	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận thương binh đối với thương binh đang tại ngũ, công tác	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
57	1.013192	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần khi người có công đang tại ngũ, công tác từ trần	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
58	1.013188	Thủ tục tạm đình chỉ, chấm dứt hưởng chế độ ưu đãi đối với người có công đang tại ngũ, công tác quy định tại khoản 2 Điều 118 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
59	1.013191	Thủ tục hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công là thương binh chưa được hưởng chế độ ưu đãi do gửi sổ đi B	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
60	1.013194	Thủ tục di chuyển hồ sơ người có công do Quân đội quản lý	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
61	1.013203	Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự	2005/QĐ-BQP	Đã công khai
62	1.013200	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự	2005/QĐ-BQP	Đã công khai
63	1.013202	Thủ tục gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự	2005/QĐ-BQP	Đã công khai
64	1.013280	Thủ tục đóng bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, các tòa nhà, công trình nhân tạo, nhà giàn, giàn khoan dầu khí	2994/QĐ-BQP	Đã công khai
65	1.013275	Thủ tục mở sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước	2994/QĐ-BQP	Đã công khai
66	1.013283	Thủ tục đóng tạm thời sân bay chuyên dùng	2994/QĐ-BQP	Đã công khai
67	1.013278	Thủ tục đóng sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước	2994/QĐ-BQP	Đã công khai
68	1.013281	Thủ tục mở bãi cát hạ cánh trên boong tàu	2994/QĐ-BQP	Đã công khai
69	1.013284	Thủ tục mở lại sân bay chuyên dùng	2994/QĐ-BQP	Đã công khai

70	1.013455	Thủ Tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, có dưới 15 năm công tác đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng còn sống) thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
71	1.013285	Thủ tục đề nghị chấp thuận độ cao công trình	2994/QĐ-BQP	Đã công khai
72	1.013292	Thủ tục khen thưởng cá nhân có thành tích về Dân quân tự vệ	163/QĐ-BQP	Đã công khai
73	1.013514	Thủ tục trợ cấp cho Dân quân tự vệ không tham gia bảo hiểm xã hội nếu bị tai nạn, chết	4823/QĐ-BQP	Đã công khai
74	1.013286	Thủ tục khen thưởng tập thể có thành tích về Dân quân tự vệ	163/QĐ-BQP	Đã công khai
75	1.013279	Thủ tục mở bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, các tòa nhà, công trình nhân tạo, nhà giàn, giàn khoan dầu khí	2994/QĐ-BQP	Đã công khai
76	1.013282	Thủ tục đóng bãi cát, hạ cánh trên boong tàu	2994/QĐ-BQP	Đã công khai
77	1.013513	Thủ tục thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho Dân quân tự vệ không tham gia bảo hiểm y tế nếu bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương	4823/QĐ-BQP	Đã công khai
78	1.013532	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu cấp Học viện (trừ Học viện Quân y), Nhà trường, Viện nghiên cứu, Bệnh viện, Tổng công ty và cấp tương đương	3980/QĐ-BQP	Đã công khai
79	1.013529	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu cấp Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, các Tổng cục; Quân khu, Quân chủng, Bộ đội Biên phòng và cấp tương đương	3980/QĐ-BQP	Đã công khai
80	1.013526	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai cấp Cục, Sư đoàn, Học viện Quân y, Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Bộ Tư lệnh thành phố Hồ Chí Minh và cấp tương đương	3980/QĐ-BQP	Đã công khai
81	1.013524	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu cấp Cục, Sư đoàn, Học viện Quân y, Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Bộ Tư lệnh thành phố Hồ Chí Minh, và cấp tương đương	3980/QĐ-BQP	Đã công khai
82	1.013531	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu cấp Quân đoàn, Binh đoàn, Binh chủng, Cảnh sát biển, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tập đoàn viễn thông Quân đội và cấp tương đương	3980/QĐ-BQP	Đã công khai
83	1.013536	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai cấp Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, các Tổng cục, Quân khu, Quân chủng, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng và cấp tương đương	3980/QĐ-BQP	Đã công khai
84	1.013534	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai cấp Bộ Quốc phòng	3980/QĐ-BQP	Đã công khai
85	1.013537	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai cấp Quân đoàn, Binh đoàn, Binh chủng, Cảnh sát biển Việt Nam, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tập đoàn Công nghiệp viễn thông Quân đội và cấp tương đương	3980/QĐ-BQP	Đã công khai

86	1.013527	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu cấp Trung đoàn, Lữ đoàn, Đồn biên phòng và cấp tương đương	3980/QĐ-BQP	Đã công khai
87	1.013541	Thủ tục cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp do bị mất hoặc cấp đổi do bị hư hỏng	Quyết định số 485/QĐ-BQP	Đã công khai
88	1.013540	Thủ tục cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp lần đầu (đối với tổ chức, doanh nghiệp làm dịch vụ nổ mìn)	Quyết định số 485/QĐ-BQP	Đã công khai
89	1.013544	Thủ tục cấp Mệnh lệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Quyết định số 485/QĐ-BQP	Đã công khai
90	1.013539	Thủ tục cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp lần đầu (đối với tổ chức, doanh nghiệp không thi công công trình quốc phòng, an ninh; không làm dịch vụ nổ mìn)	Quyết định số 485/QĐ-BQP	Đã công khai
91	1.013545	Thủ tục điều chỉnh Mệnh lệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Quyết định số 485/QĐ-BQP	Đã công khai
92	1.013542	Thủ tục cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp sau khi hết thời hạn	Quyết định số 485/QĐ-BQP	Đã công khai
93	1.013543	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	Quyết định số 485/QĐ-BQP	Đã công khai
94	1.013550	Thủ tục biên phòng trong cấp thị thực tại cửa khẩu và sửa đổi, bổ sung hồ sơ biên phòng đối với người nhận thị thực tại cửa khẩu	1909/QĐ-BQP	Đã công khai
95	1.013552	Thủ tục biên phòng đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến, rời cửa khẩu cảng	1909/QĐ-BQP	Đã công khai
96	1.013548	Thủ tục sửa đổi, bổ sung hồ sơ biên phòng cảng biển đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến, rời cửa khẩu cảng	1909/QĐ-BQP	Đã công khai
97	1.013562	Thủ tục cấp Giấy phép đi bờ cho thuyền viên nước ngoài	1909/QĐ-BQP	Đã công khai
98	1.013554	Thủ tục giải quyết đơn khiếu nại lần đầu cấp Bộ Quốc phòng	3980/QĐ-BQP	Đã công khai
99	1.013568	Thủ tục cấp, tạm dừng và hủy tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển đối với người làm thủ tục	1909/QĐ-BQP	Đã công khai
100	1.013570	Thủ tục biên phòng đối với tàu thuyền có trọng tải từ 200 tấn trở xuống, mang quốc tịch của quốc gia có chung biên giới với Việt Nam nhập cảnh, xuất cảnh tại cửa khẩu cảng thuộc khu vực biên giới của Việt Nam với quốc gia đó	1909/QĐ-BQP	Đã công khai
101	1.013573	Thủ tục biên phòng đối với tàu thuyền, thuyền viên, hành khách đi trên tàu thuyền nước ngoài chuyển cảng tại cửa khẩu cảng	1909/QĐ-BQP	Đã công khai
102	1.013574	Thủ tục biên phòng đối với tàu thuyền nước ngoài, thuyền viên, hành khách đi trên tàu thuyền nước ngoài quá cảnh tại cửa khẩu cảng	1909/QĐ-BQP	Đã công khai
103	1.013567	Thủ tục biên phòng đối với tàu thuyền Việt Nam, tàu thuyền nước ngoài, thuyền viên, hành khách đi trên tàu thuyền Việt Nam, tàu thuyền nước ngoài xuất cảnh tại cửa khẩu cảng.	1909/QĐ-BQP	Đã công khai
104	1.013569	Thủ tục biên phòng đối với tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh tại cảng dầu khí ngoài khơi	1909/QĐ-BQP	Đã công khai

105	1.013566	Thủ tục biên phòng đối với tàu thuyền Việt Nam, tàu thuyền nước ngoài, thuyền viên, hành khách đi trên tàu thuyền Việt Nam, tàu thuyền nước ngoài nhập cảnh tại cửa khẩu cảng	1909/QĐ-BQP	Đã công khai
106	1.013586	Thủ tục biên phòng đối với tàu cá Việt Nam, thuyền viên, hành khách đi trên tàu cá Việt Nam nhập cảnh, xuất cảnh đi khai thác thủy sản ở vùng biển ngoài vùng biển Việt Nam	1909/QĐ-BQP	Đã công khai
107	1.013589	Thủ tục sửa đổi, bổ sung hồ sơ biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền	1909/QĐ-BQP	Đã công khai
108	1.013591	Thủ tục biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền đối với công dân Việt Nam xuất, nhập cảnh	1909/QĐ-BQP	Đã công khai
109	1.013592	Thủ tục biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền đối với người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh	1909/QĐ-BQP	Đã công khai
110	1.013588	Thủ tục biên phòng đối với tàu thuyền, thuyền viên, hành khách đi trên tàu chở khách du lịch quốc tế nhập cảnh, xuất cảnh, chuyển cảng tại cửa khẩu cảng	1909/QĐ-BQP	Đã công khai
111	1.013590	Thủ tục biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền đối với Đoàn khách du lịch, Đoàn khách công vụ xuất cảnh, nhập cảnh	1909/QĐ-BQP	Đã công khai
112	1.013587	Thủ tục đăng ký đến, đi đối với phương tiện thủy nội địa đến, rời cửa khẩu cảng	1909/QĐ-BQP	Đã công khai
113	1.013585	Thủ tục biên đối với tàu thuyền buồm, tàu thuyền thể thao, du thuyền, người đi trên tàu thuyền buồm, tàu thuyền thể thao, du thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, tại cửa khẩu cảng	1909/QĐ-BQP	Đã công khai
114	1.014142	Thủ tục tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh của cơ sở huy động trong các lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; cung cấp sản phẩm, dịch vụ về quản trị doanh nghiệp, an toàn thông tin, công nghệ cao, công nghệ chiến lược	1176/QĐ-BQP	Đã công khai
115	1.014143	Thủ tục tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh của cơ sở huy động trong các lĩnh vực nghiên cứu, sản xuất chi tiết, phụ tùng, vật tư, bán thành phẩm sản phẩm quốc phòng, an ninh; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ nền, công nghệ lõi; chuyển giao công nghệ cho cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt; cung ứng, dự trữ, bảo quản vật tư sản xuất quốc phòng, an ninh	1176/QĐ-BQP	Đã công khai
116	2.002763	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp chết do tai nạn hoặc chết do ốm đau, tai nạn rủi ro đối với quân nhân dự bị; học viên đào tạo sĩ quan dự bị từ 03 tháng trở lên chưa tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	3745/QĐ-BQP	Đã công khai
117	2.002765	Thủ tục giải quyết chế độ miễn học phí đối với con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ khi học tại cơ sở giáo dục phổ thông công lập, ngoài công lập	5132/QĐ-BQP	Đã công khai

2
dn

118	2.002757	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã thôi việc, đã về gia đình (đối với đối tượng đã từ trần) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
119	2.002760	Thủ tục xác minh, kết luận đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ mất tích trong chiến tranh	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
120	2.002755	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, đã thôi việc, đã về gia đình (đối tượng còn sống) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
121	2.002761	Thủ tục xác nhận cán bộ Quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo	132/QĐ-BQP	Đã công khai
122	2.002767	Thủ tục đăng ký khám bệnh, chữa bệnh đối với sĩ quan phục viên có đủ 15 năm phục vụ trong Quân đội	5132/QĐ-BQP	Đã công khai
123	3.000015	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng	1919/QĐ-BQP	Đã công khai
124	3.000018	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng	1919/QĐ-BQP	Đã công khai
125	3.000016	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng	1919/QĐ-BQP	Đã công khai
126	3.000017	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng	1919/QĐ-BQP	Đã công khai
127	3.000421	Thủ tục tuyển sinh theo chế độ cử tuyển đại học, cao đẳng, trung cấp	Quyết định số 5519/QĐ-BQP	Đã công khai
128	3.000422	Thủ tục tuyển sinh đào tạo trình độ đại học, cao đẳng quân sự hệ chính quy	Quyết định số 5519/QĐ-BQP	Đã công khai
129	3.000423	Thủ tục đăng ký tuyển sinh đào tạo cán bộ ngành quân sự cơ sở	Quyết định số 5519/QĐ-BQP	Đã công khai
130	1.013575	Thủ tục cấp Giấy phép cho người Việt Nam và người nước ngoài xuống tàu thuyền nước ngoài; người nước ngoài xuống tàu thuyền Việt Nam neo đậu tại cảng để thực hiện các hoạt động báo chí, nghiên cứu khoa học, tham quan; người điều khiển phương tiện Việt Nam, nước ngoài cập mạn tàu thuyền nước ngoài; thuyền viên nước ngoài xin nghỉ qua đêm trên bờ, xuống các tàu thuyền khác đang neo đậu tại cảng	1909/QĐ-BQP	Đã công khai

131	1.013564	Thủ tục cấp Giấy phép xuống tàu cho người Việt Nam và người nước ngoài thuộc các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu thường xuyên xuống tàu thuyền nước ngoài làm việc.	1909/QĐ-BQP	Đã công khai
132	1.013184	Thủ tục thực hiện chế độ điều dưỡng, phục hồi sức khỏe tại nhà đối với người có công đang tại ngũ, công tác	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
133	1.013198	Thủ tục công nhận tuổi nghề cơ yếu đối với người làm công tác cơ yếu thôi làm việc trong tổ chức cơ yếu (nghỉ hưu, chuyển ngành, thôi việc)	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
134	1.013197	Thủ tục công nhận tuổi nghề cơ yếu đối với người đang làm công tác cơ yếu	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
135	1.013520	Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Cục, Sư đoàn, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và cấp tương đương	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
136	1.013515	Thủ tục thành lập, giải thể đơn vị Dân quân tự vệ, Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
137	1.013521	Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Trung đoàn, Lữ đoàn, Đồn Biên phòng và cấp tương đương	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
138	1.013519	Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Bộ Quốc phòng	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
139	1.013547	Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, các Tổng cục, Cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
140	1.013549	Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Quân khu, Quân chủng, Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển, Bộ Tư lệnh 86 và cấp tương đương, Ban Cơ yếu Chính phủ	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
141	1.013553	Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Học viện, Nhà trường, Viện nghiên cứu, Bệnh viện và cấp tương đương	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
142	1.013559	Thủ tục chấp thuận cho phóng viên nước ngoài thường trú tại Việt Nam hoạt động thông tin, báo chí tại các đơn vị quân đội, tiếp xúc, phỏng vấn lãnh đạo Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
143	1.013551	Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Quân đoàn, Binh chủng, Binh đoàn, Vùng Hải quân, Vùng Cảnh sát biển và cấp tương đương	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
144	1.013560	Thủ tục chấp thuận cho phóng viên nước ngoài không thường trú tại Việt Nam hoạt động thông tin, báo chí tại các đơn vị quân đội, tiếp xúc, phỏng vấn lãnh đạo Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
145	1.013561	Thủ tục chấp thuận cho phóng viên nước ngoài vào Việt Nam qua đường liên doanh, hợp tác khoa học, sản xuất hoạt động thông tin, báo chí tại các đơn vị quân đội	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
146	1.013616	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong giai đoạn chuyển tiếp.	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
147	1.013614	Thủ tục cấp mới giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.	6225/QĐ-BQP	Đã công khai

2
Ho

148	1.013617	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
149	1.013615	Thủ tục thu hồi giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong giai đoạn chuyển tiếp.	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
150	1.013618	Thủ tục cấp lại giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
151	1.013620	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh .	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
152	1.013623	Thủ tục công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện là cơ sở hướng dẫn thực hành.	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
153	1.013621	Thủ tục gia hạn giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
154	1.013619	Thủ tục cấp lại giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong giai đoạn chuyển tiếp.	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
155	1.013622	Thủ tục điều chỉnh giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
156	1.013626	Thủ tục cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn.	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
157	1.013629	Thủ tục thu hồi giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
158	1.013627	Thủ tục đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
159	1.013624	Thủ tục cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
160	1.013646	Trình tự, thủ tục tổ chức lại trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh	Quyết định số 2153/QĐ-BQP	Đã công khai
161	1.013625	Thủ tục đình chỉ hành nghề người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
162	1.013628	Thủ tục cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động sau khi bị đình chỉ.	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
163	1.013632	Thủ tục gia hạn giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong giai đoạn chuyển tiếp.	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
164	1.013630	Thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
165	1.013633	Thủ tục đình chỉ hành nghề người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong giai đoạn chuyển tiếp.	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
166	1.013631	Thủ tục cấp mới giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong giai đoạn chuyển tiếp.	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
167	1.013645	Trình tự, thủ tục thành lập trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh	Quyết định số 2153/QĐ-BQP	Đã công khai
168	1.014563	Thủ tục cấp phép cho người nước ngoài vào, ra Cảng quốc tế Cam Ranh	Quyết định số 6567/QĐ-BQP	Đã công khai

169	1.013647	Trình tự, thủ tục giải thể trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh	6229/QĐ-BQP	Đã công khai
170	1.014564	Thủ tục cấp phép cho công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài vào, ra Cảng quốc tế Cam Ranh	Quyết định số 6567/QĐ-BQP	Đã công khai
171	1.014562	Thủ tục cấp phép cho người và phương tiện dân sự Việt Nam vào, ra Cảng quốc tế Cam Ranh	Quyết định số 6567/QĐ-BQP	Đã công khai
172	1.014683	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác	Quyết định số 241/QĐ-BQP	Đã công khai
173	1.014684	Thủ tục cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác	Quyết định số 241/QĐ-BQP	Đã công khai
174	1.014690	Thủ tục cấp Giấy phép điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác	Quyết định số 241/QĐ-BQP	Đã công khai
175	1.014689	Thủ tục cấp phép bay	Quyết định số 241/QĐ-BQP	Đã công khai
176	1.014691	Thủ tục cấp đổi, cấp lại Giấy phép điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác	Quyết định số 241/QĐ-BQP	Đã công khai
177	1.014692	Thủ tục chấp thuận điều kiện nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác	Quyết định số 241/QĐ-BQP	Đã công khai
178	1.014688	Thủ tục cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở kinh doanh tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác	Quyết định số 241/QĐ-BQP	Đã công khai
179	1.014685	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở kinh doanh tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác	Quyết định số 241/QĐ-BQP	Đã công khai
180	2.002762	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp tai nạn đối với quân nhân dự bị; học viên đào tạo sĩ quan dự bị từ 03 tháng trở lên chưa tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
181	2.002759	Thủ tục đề nghị cấp giấy xác nhận về thời gian tù và nơi bị tù đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ đã chuyển ra	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
182	2.002764	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp khó khăn đột xuất đối với thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
183	2.002758	Thủ tục cấp giấy xác nhận giải mã phiên hiệu, ký hiệu, thời gian, địa bàn hoạt động của đơn vị Quân đội	6225/QĐ-BQP	Đã công khai

184	2.002766	Thủ tục đề nghị cấp giấy xác nhận về thời gian tù và nơi bị tù đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ đang tại ngũ, công tác	6225/QĐ-BQP	Đã công khai
185	1.014964	Thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, chuyển cảng đối với tàu quân sự nước ngoài đến lãnh hải, khu vực nội thủy ngoài vùng nước cảng biển.	1305/QĐ-BQP	Đã công khai
186	1.014963	Thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, chuyển cảng đối với tàu quân sự nước ngoài đến cảng biển Việt Nam	1305/QĐ-BQP	Đã công khai
187	1.014962	Thủ tục cấp phép cho doanh nghiệp bảo vệ được thuê làm dịch vụ bảo vệ tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam để sửa chữa	1305/QĐ-BQP	Đã công khai
188	1.014141	Thủ tục tham gia hoạt động cung cấp dịch vụ thanh toán và cấp tín dụng của tổ chức tín dụng	3267/QĐ-BQP	Đã công khai

